

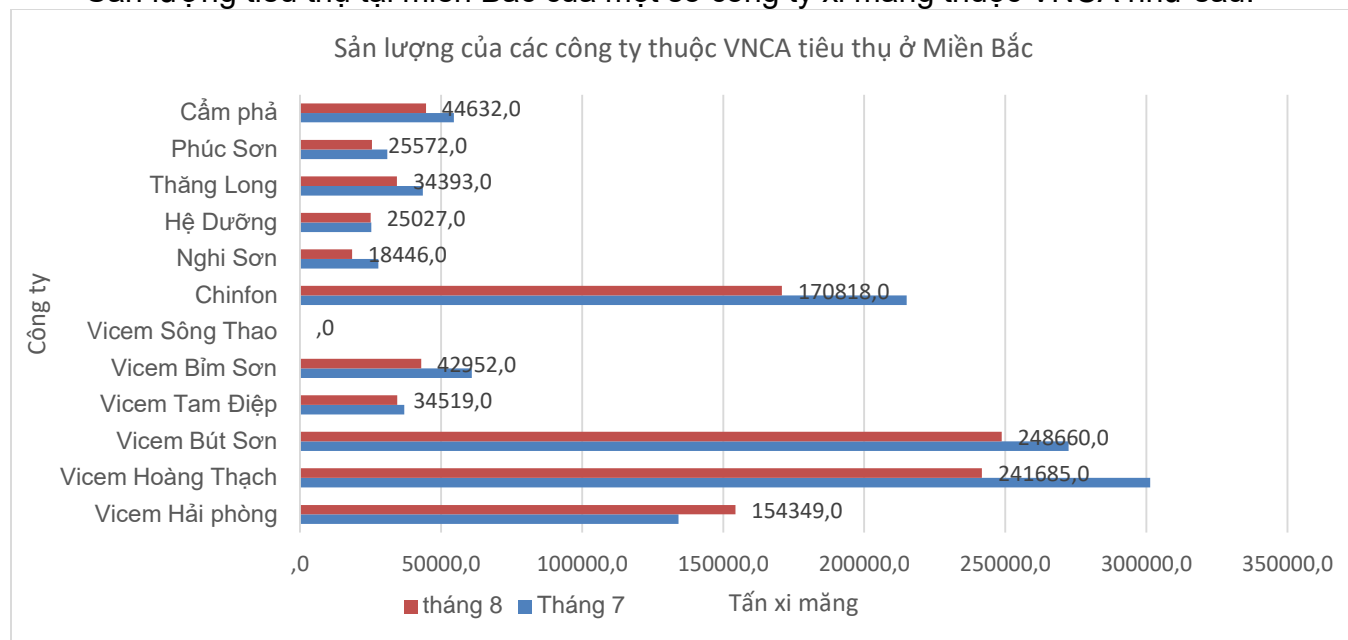
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 8/2019

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

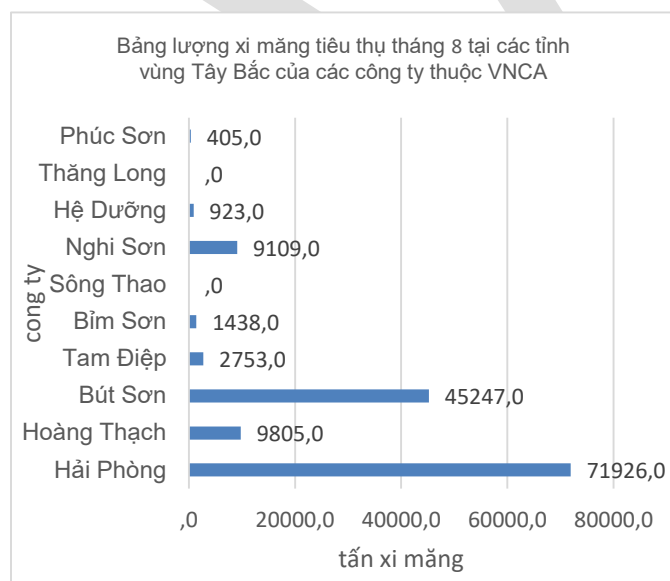
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 8 là: 2.084.912 tấn (tháng 7 là 2.326.661 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

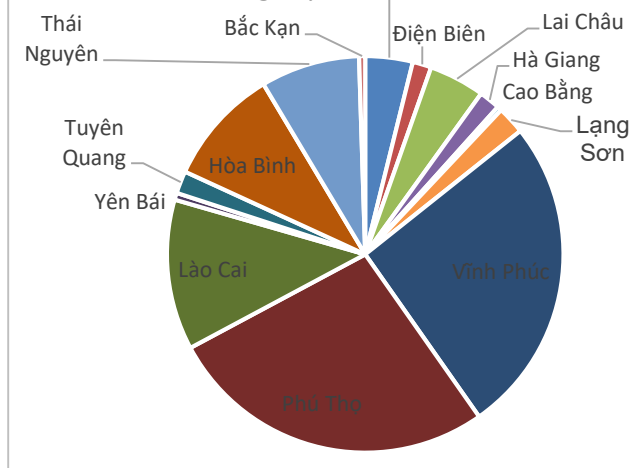


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 8 như sau:

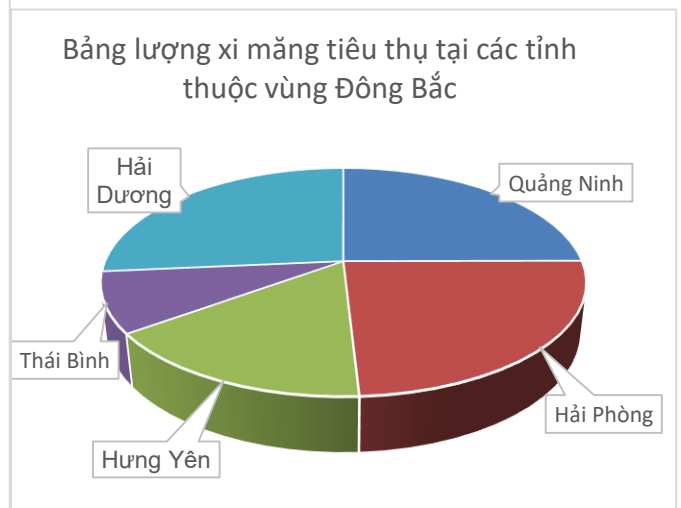
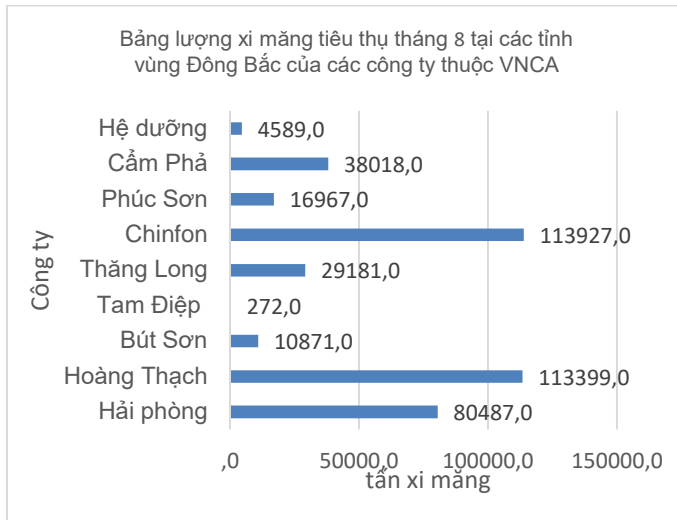
VÙNG TÂY BẮC:



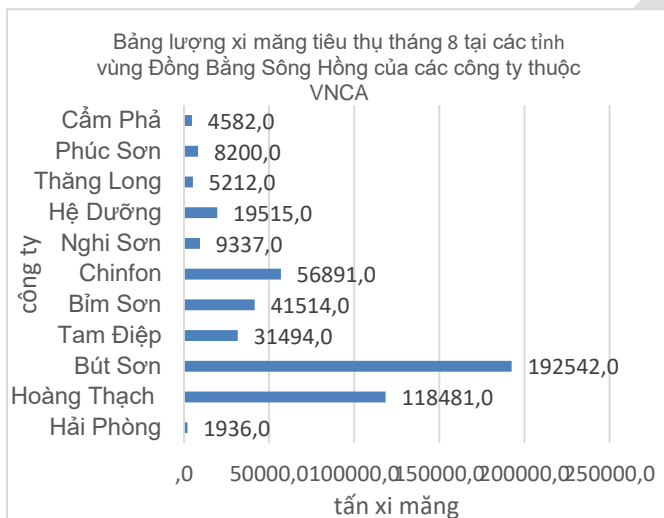
Bảng lượng xi măng tiêu thụ tại các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc Sơn La



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên đĩa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)

- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình: - XM ChinFon: 1.450 - XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn: - XM Phúc Sơn: 1.300 - XM Chinfon: 1.350

- XM Hoàng Thạch: 1.440

-XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên: - XM La Hiên: 1.240

- XM Quang Sơn: 1.270

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh: - XM Hoàng Thạch: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.290

- XM Chin Fon: 1.350

- XM Lam Thạch : 1.200

- XM Thăng Long PCB 40 1.350

- XM Hạ Long PCB 40 1.360

-XM Cầm phả PCB 40 1.300

6. Tại Bắc Ninh: - Xi măng Hoàng Thạch: 1.430 -XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.400

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.370 - *Hoàng Thạch: 1.420*

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.350	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bim Sơn: 1.070

- XM Bim Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bim Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bim Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.390

13. Tai Thái Bình:

- XM Bim Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.390 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.490 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bim Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

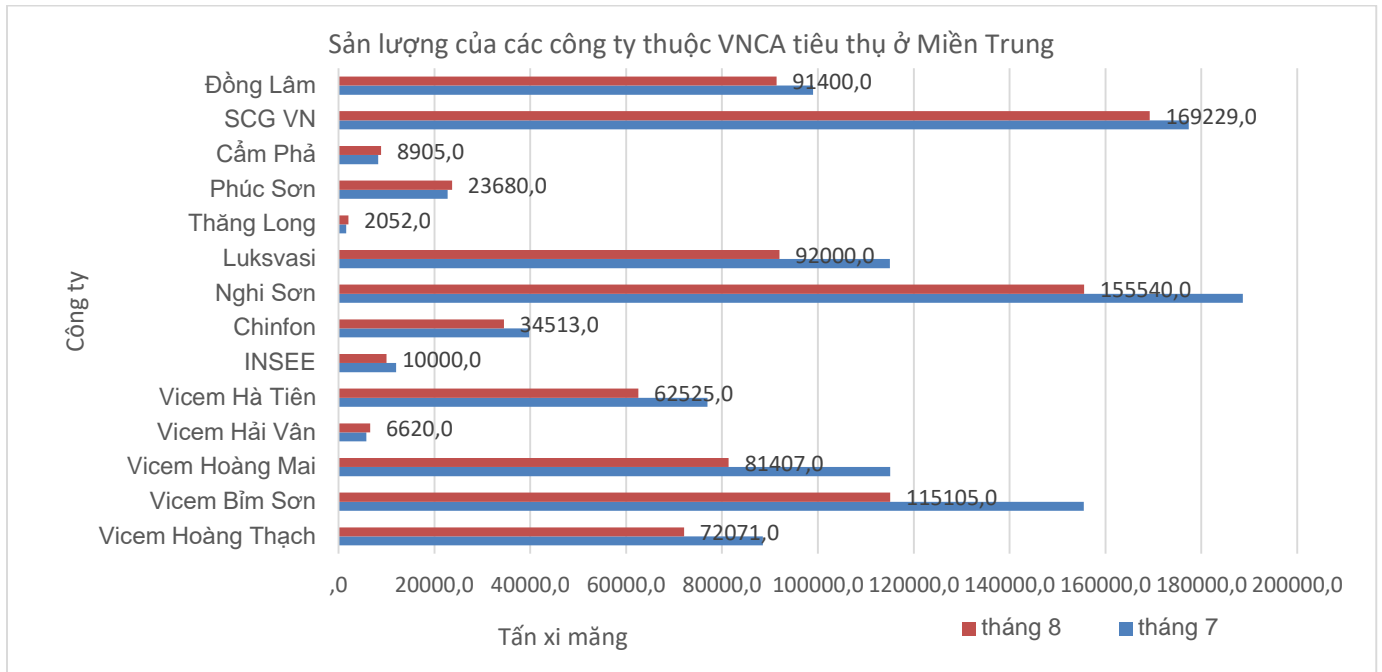
15. Tai Hải phòng: - XM Chin Fon: 1.420 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

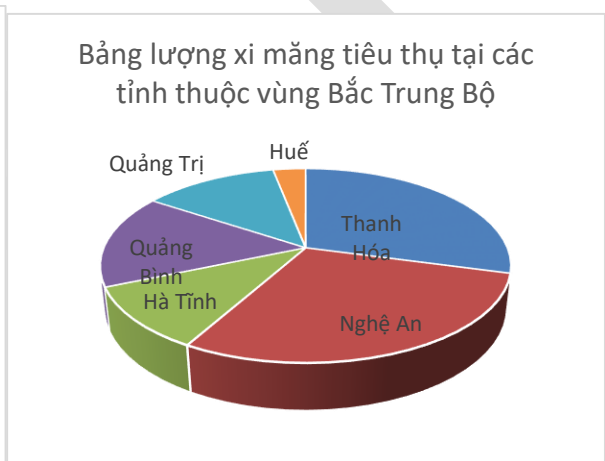
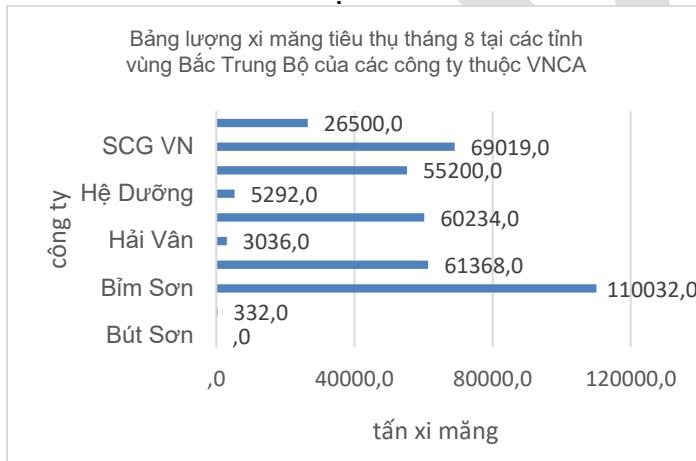
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 8: 1.261.868 tấn (tháng 7 là 1.478.947 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

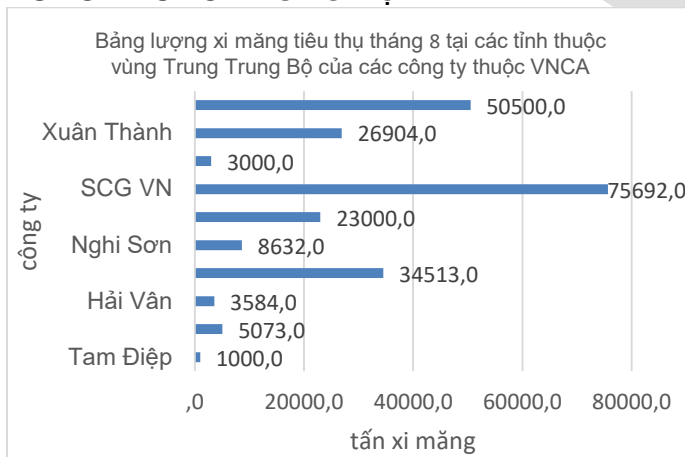


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 8/2019 như sau:

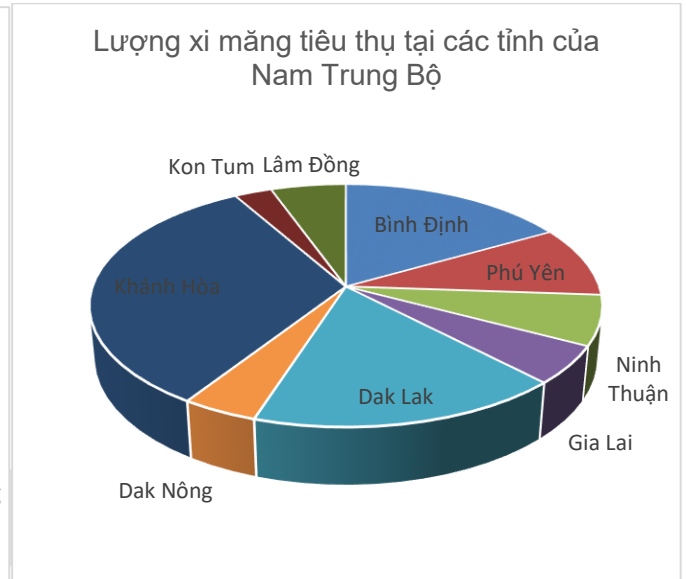
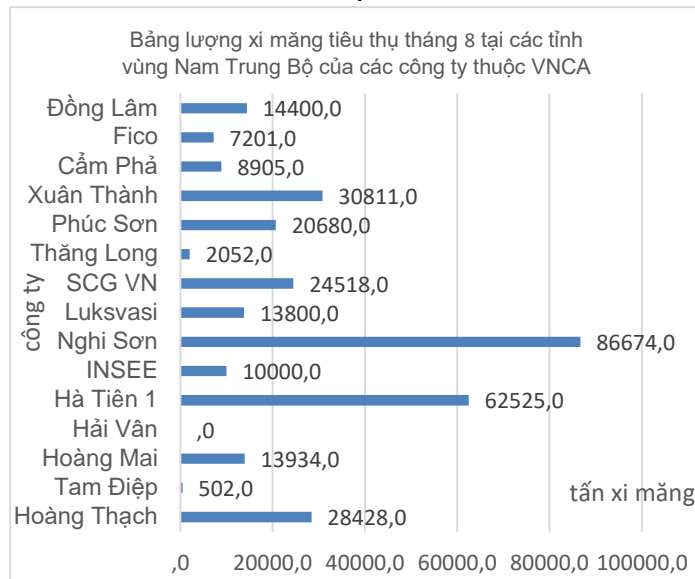
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

-Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng:** - XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520

-ChinFon: 1.520

*** Giá XM tại Gia lai, Đắc lăc, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830

- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730

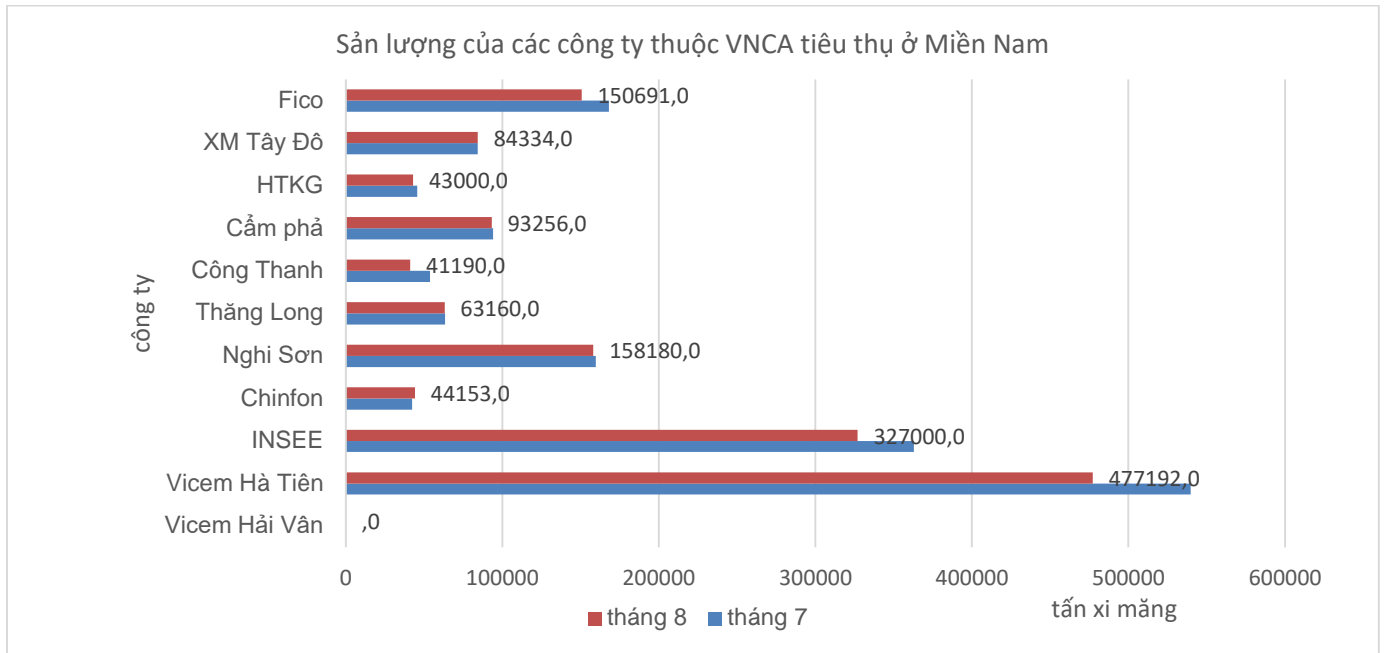
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

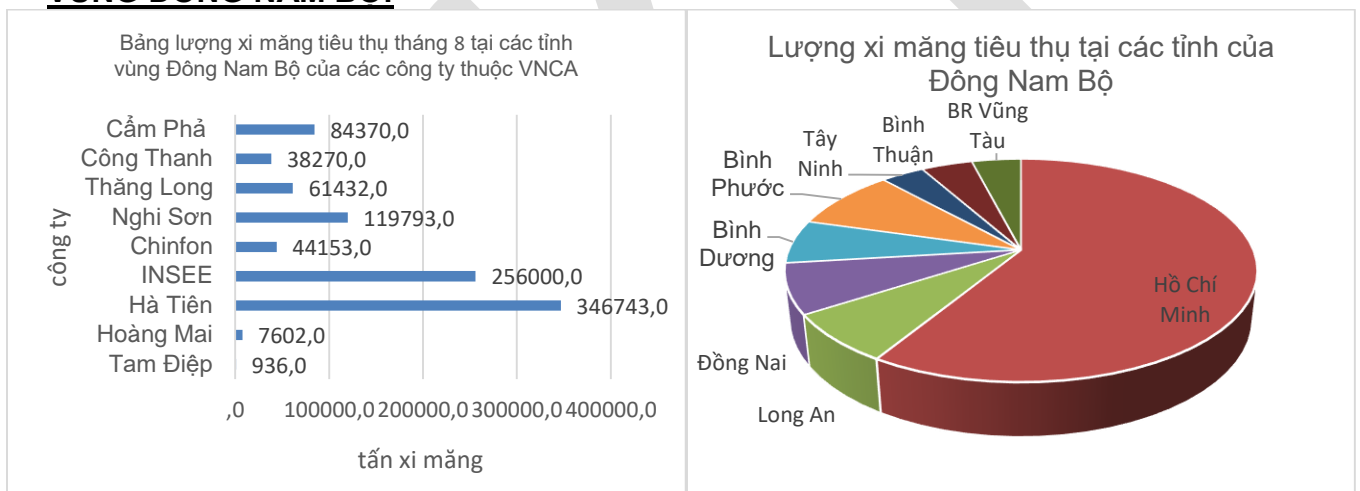
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.828.500 tấn (tháng 7 là 1.988.052 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

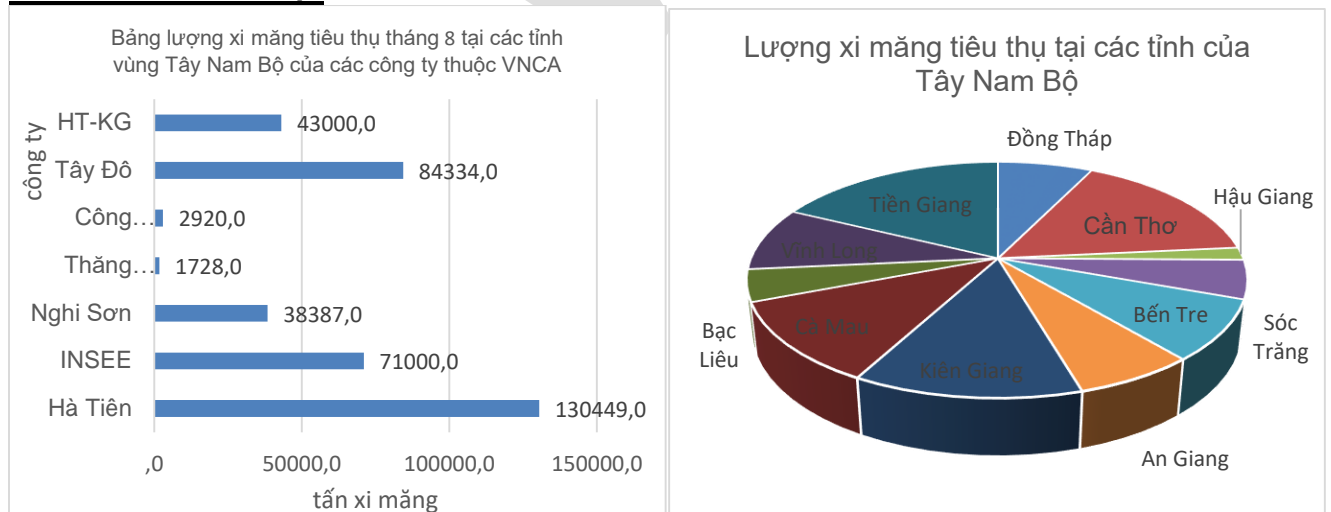


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 8/2019 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.530
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

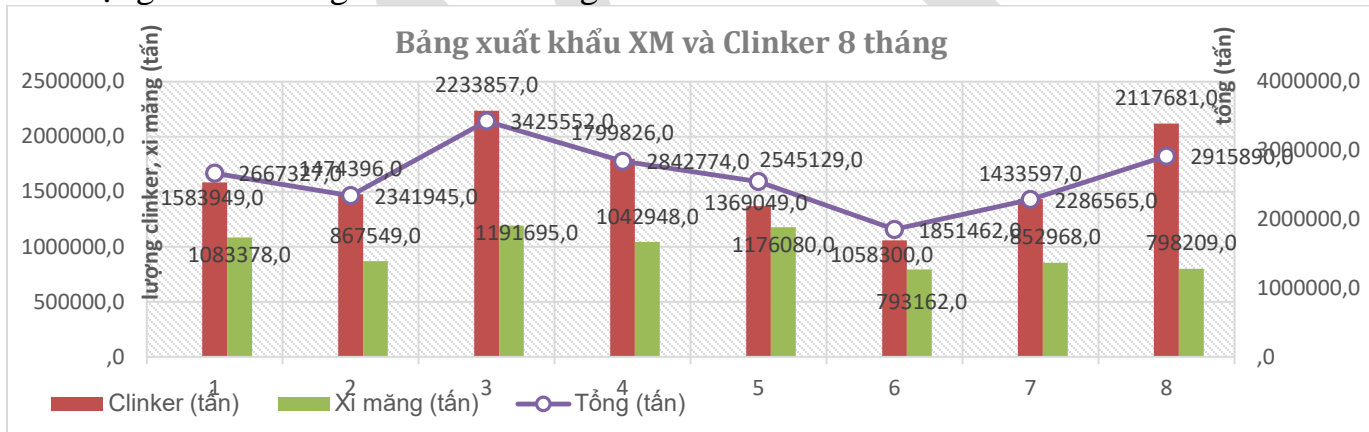
- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290 PCB 40: 1.390

Nhận xét chung thị trường nội địa:

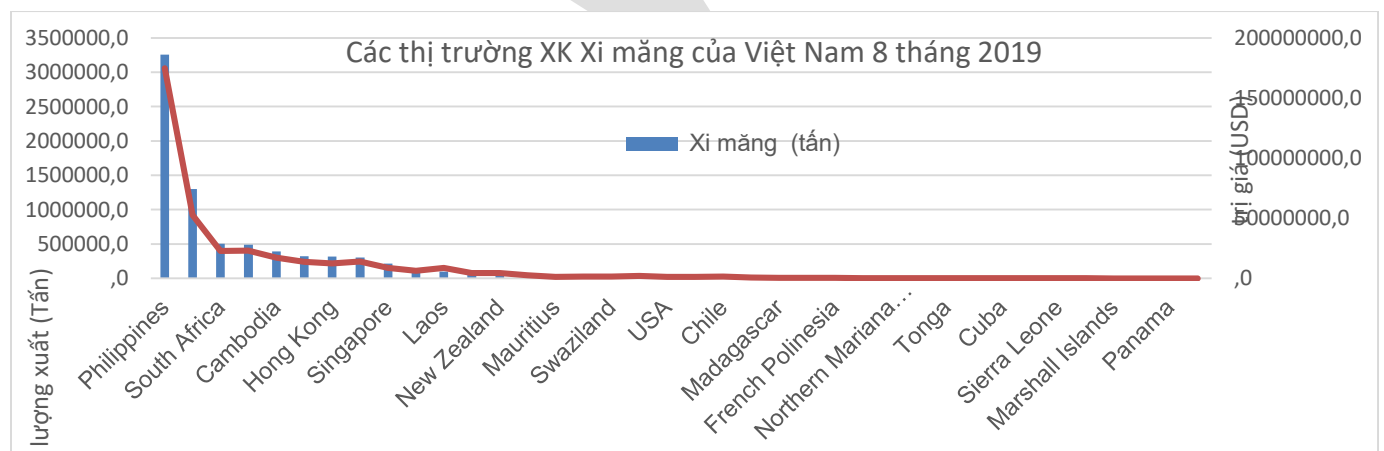
Về giá xi măng: Giá ổn định như tháng 7.
 Tồn kho cuối tháng 8: Xi măng: 0,7 triệu tấn; clinker: 1,9 triệu tấn.

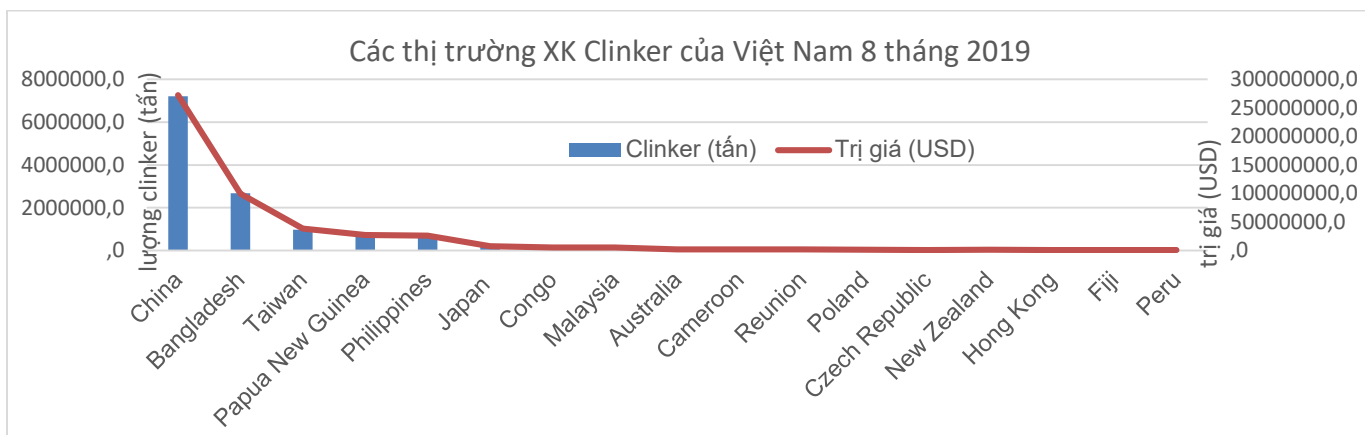
B- XUẤT KHẨU (XK)

1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 8 như sau:

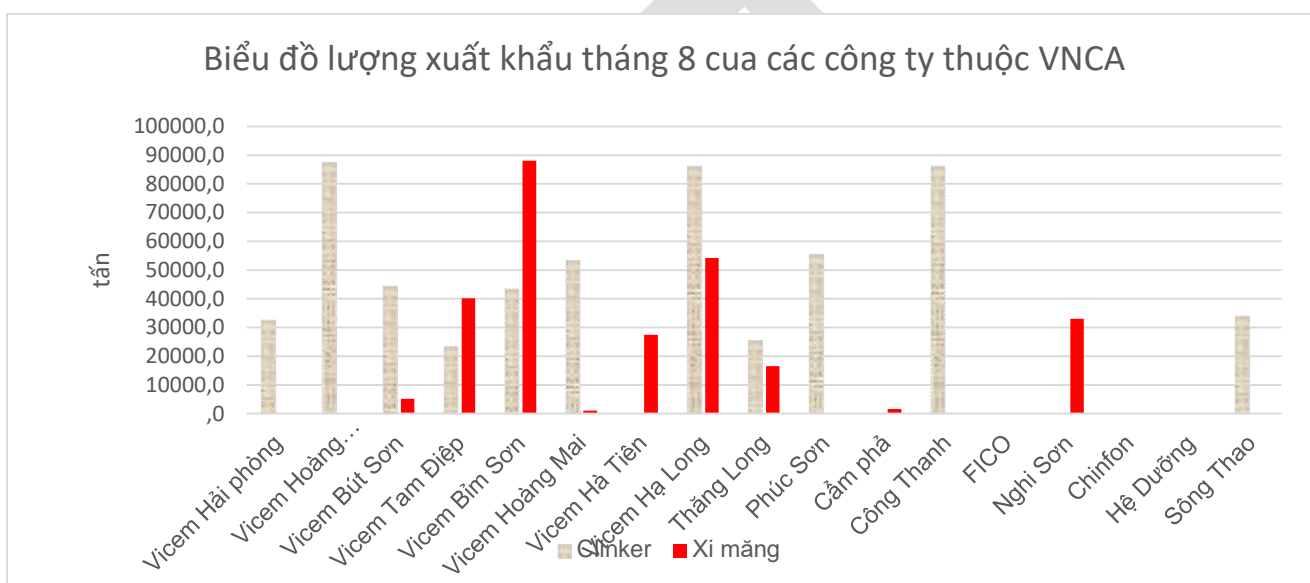


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 8 tháng 2019:

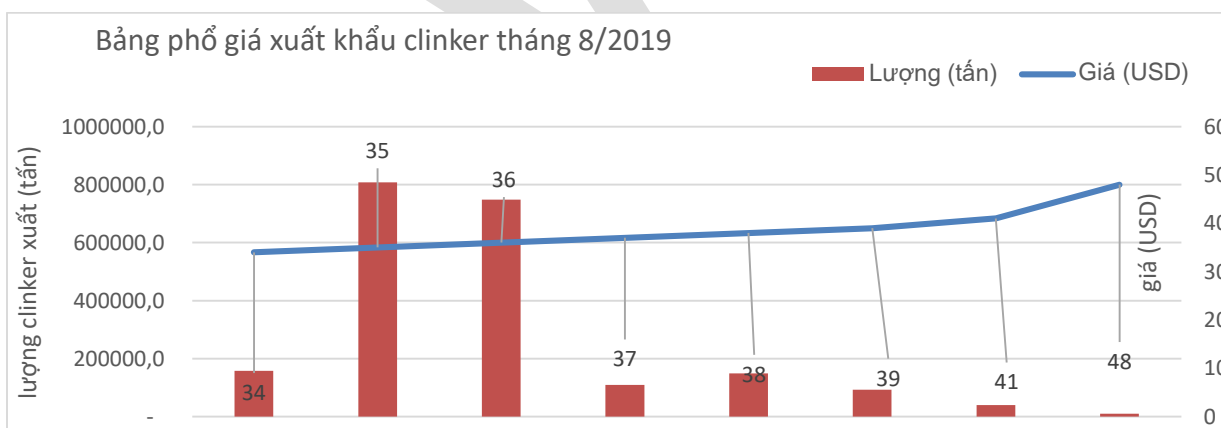


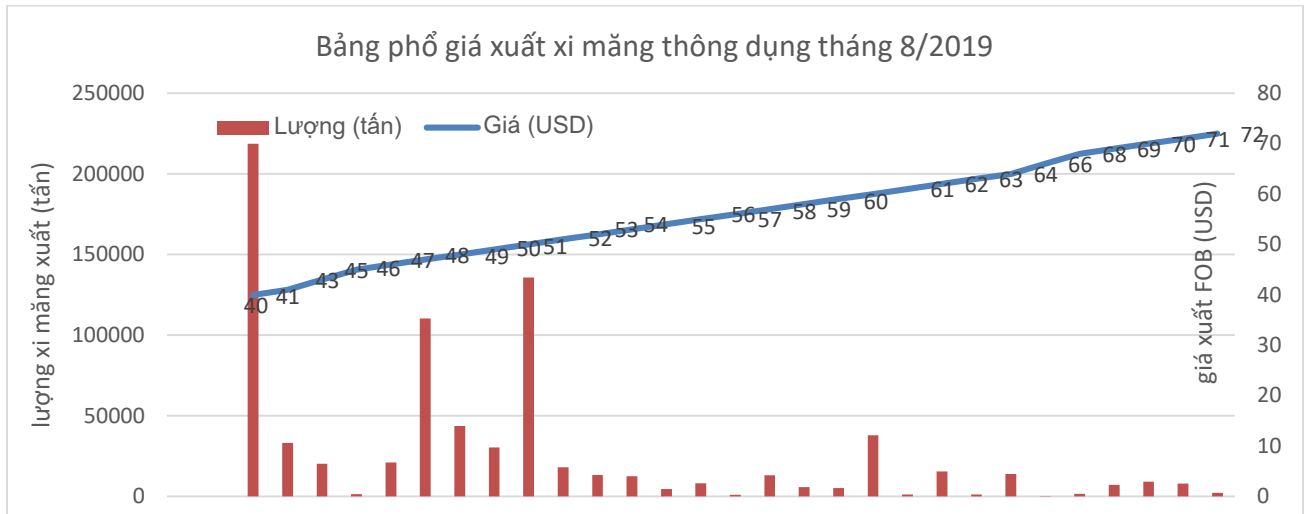


3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:



4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 8 như sau:





C- SX THÁNG 8, KẾ HOẠCH THÁNG 9/2019 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2019

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 8/2019	Lũy kế SX xi măng 2019	Kế hoạch TTND T9/2019	Lũy kế TTND năm 2019
A	Khối VICEM	1,955,872	16,695,630	1,849,000	14,363,743
1	Vicem Hải Phòng	85,000	826,615	196,000	915,886
2	Vicem Bỉm Sơn	284,437	2,405,578	250,000	1,744,165
3	Vicem Hoàng Thạch	252,000	2,055,228	366,000	2,537,301
4	Vicem Bút Sơn	280,990	2,288,154	229,000	2,062,611
5	Vicem Hà Tiên	531,500	4,444,407	571,000	4,649,138
6	Vicem Hải Vân	69,139	456,358	5,000	213,428
7	Vicem Hoàng Mai	86,156	1,006,534	107,000	857,221
8	Vicem Tam Điệp	103,500	1,050,154	40,000	338,342
9	Vicem Hạ Long	185,150	1,544,211	85,000	599,907
10	Vicem Sông Thao	78,000	618,392		445,744
B	Khối LD	1,635,538	13,426,954	1,480,929	11,715,110
1	XM Nghi Sơn	360,459	3,043,443	361,200	2,763,097
2	XM Chinfon	265,205	2,490,031	277,375	2,297,167
3	Siam City Cement	400,000	3,310,000	340,000	2,831,000
4	XM Luks(Vietnam)	120,000	955,000	100,000	762,000
5	XM Thăng Long	150,000	1,070,000	100,000	774,310
6	XM Hệ Dưỡng	50,874	359,480	44,450	335,231
7	SCG VN	230,000	1,595,000	200,000	1,514,298
8	XM Phúc Sơn	59,000	604,000	57,904	438,007
C	Khối các Cty xm khác	2,710,000	20,450,000	2,000,000	16,436,000
	Toàn XH: (A+B+C)	6,301,410	50,572,584	5,329,929	42,514,853

Đánh giá:

- TTND tháng 7: 5.175.280 tấn giảm 5% với cùng kỳ năm 2018, bằng 89% so với tháng 7/2019.
- Tiêu thụ nội địa 8 tháng đầu năm 2019: 42.514.853 tấn tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018.
- Xuất khẩu tháng 8: 2.915.890 tấn (trong đó xi măng 798.209 tấn và clinker là 2.117.681 tấn) giảm 3% so với cùng kỳ 2018, tăng 28% so với tháng 7/2019.
- TTND và xuất khẩu tháng 8: 8.091.170 tấn bằng 96 % so với cùng kỳ năm 2018, bằng 100% so với tháng 7/2019.
- Lũy kế TTND và xuất khẩu 8 tháng năm 2019: 63.870497 tấn bằng 102% so với cùng kỳ năm 2018.